

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P1**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 3 - 2023

V/v tranh chấp: “Hôn nhân và gia đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thành Thật.
- Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị Thu Phương, sinh năm 1995; vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 45, ấp 3, xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu P1, sinh năm 1991; vắng mặt.

Địa chỉ: Số 60/3, khóm Đông Thịnh 2, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 12 năm 2022, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Hà Thị Thu Ptrình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu P1 qua quá trình tìm hiểu quen biết nhau, sau đó cả hai quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào tháng 11 năm 2012 dưới sự chứng kiến của cha mẹ hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An vào ngày 09/7/2013. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh P1 đến tháng

02 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên cự cãi trong đời sống hàng ngày. Vì vậy cả hai đã chính thức ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay; trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không một lần tới lui. Nhận thấy tình cảm của bà dành cho ông P1 không còn nên bà có yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết cho bà được ly hôn với ông P1.

- Về quan hệ con chung: Không có.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà P trình bày không có; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Hữu P1 đã được Tòa án niêm yết Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông P1 đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông P1 vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

Nguyên đơn bà Hà Thị Thu P có Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10/02/2023.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu P1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Hà Thị Thu P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu P1 nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

Bị đơn của vụ án là ông Nguyễn Hữu P1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 60/3, khóm Đông Thịnh 2, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông P1 theo quy định tại Điều 171, Điều 175, Điều 177 và Điều 179 BLTTDS nhưng ông P1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của ông P1 không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông P1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Bà P có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông P1.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông P1 tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau; được sự chấp thuận của gia đình nên ông bà tổ chức lễ cưới vào tháng 11 năm 2012 dưới sự chứng kiến của cha mẹ hai bên. Sau đó đến ngày 09/7/2013, ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên cự cãi trong đời sống hàng ngày. Vì vậy cả hai đã chính thức ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay; trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không một lần tới lui. Nhận thấy tình cảm của bà dành cho ông P1 không còn nên bà có yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết cho bà được ly hôn với ông P1.

Chứng minh cho lời trình bày, bà P cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2013, Quyền số 01/2013, ngày 09/7/2013 của UBND xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Hữu P1 và bà Hà Thị Thu Phương. Như vậy, bà P đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của BLTTDS. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông P1 vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS. Do đó, lời trình bày và chứng cứ mà bà P cung cấp là cơ sở để Tòa án xác định hôn nhân giữa bà P và ông P1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận nhưng vì mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn làm cho vợ chồng không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau kể từ tháng 3 năm 2022 đến nay là có thật; cho thấy ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà P có yêu cầu được ly hôn ông P1 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Ông bà không có con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà P trình bày vợ chồng không có tài sản chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy HĐXX không xem xét, giải quyết nhưng nếu sau này các bên chứng minh vợ chồng có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân mà không tự thỏa thuận phân chia được thì có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn ở vụ án khác.

Về quan hệ nợ chung: Bà Ptrình bày vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì vậy HĐXX cũng không xem xét giải quyết nhưng nếu sau này có bên thứ ba bất kỳ chứng minh được nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Pvăn phải cùng ông P1 liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Bà Pphải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Pđã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001186, ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông P1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 91; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Hà Thị Thu Pđược ly hôn với ông Nguyễn Hữu P1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2013, Quyền số 01/2013, ngày 09/7/2013 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Hữu P1 và bà Hà Thị Thu Pkhông còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Hà Thị Thu Pphải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Pđã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001186, ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông Nguyễn Hữu P1 không phải chịu án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Tp. Long Xuyên;
- Chi cục THADS Tp. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thu